

Bản án số: 46/2023/DS-ST

Ngày: 26-5-2023

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU****- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan Anh*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Quốc Văn

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Văn Thảo, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1970 (có mặt)

Bà Lê Thị A, sinh năm 1971 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt)

Bà Dương Thị T (vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị N (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:***Trình bày của ông Lê Thanh H:***

Ông Lê Thanh H, bà Lê Thị A có con trai tên Lê Thanh V, anh V và chị Nguyễn Thị N có tình cảm với nhau. Qua tìm hiểu, cha mẹ chị N là ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị T, gia đình ông H, bà A và gia đình ông T, bà T đã bàn bạc và thống nhất tổ chức lễ ăn hỏi cho anh V và chị N. Ngày 20/8/2020 (âm lịch) hai gia đình tổ chức lễ ăn hỏi tại gia đình ông T, bà T. Tại lễ ăn hỏi, gia đình ông H, bà A có cho con dâu là chị Nguyễn Thị N số vàng 01 chiếc lắc có trọng lượng 05 chỉ vàng 24K; 01 sợi dây

chuyên có trọng lượng 05 chỉ vàng 24K; 01 đôi bông tai vàng 18K, 01 chiếc nhẫn vàng 18K, 01 bộ vòng 07 chiếc. Tổng cộng số vàng ông H, bà Tuổi cho chị N tại lễ ăn hỏi là 10 chỉ vàng 24K, 6,5 chỉ vàng 18K; họ hàng nhà trai cho chị N 4,5 chỉ vàng 24K. Cũng tại lễ ăn hỏi, gia đình ông H đã nạp tài cho đám hỏi 10.000.000 đồng, đám cưới 20.000.000 đồng, ông T và bà T nhận số tiền này; tiền họ hàng nhà trai tặng chị N 14.000.000 đồng. Việc ông H, bà A và họ hàng nhà trai cho vàng, giao tiền nạp tài cho nhà gái có quan khách dự đám hỏi chứng kiến và có ông Nguyễn Văn Q là chủ hôn chứng kiến rõ sự việc.

Sau ngày lễ ăn hỏi, gia đình ông T, bà T và chị N đi làm ăn ở Bình Dương, gia đình ông H, bà A có liên lạc bằng điện thoại nhiều lần bàn về việc tổ chức đám cưới nhưng phía bị đơn chỉ hứa hẹn mà không tổ chức đám gả cho chị N. Ngày 27/11/2020 (âm lịch) ông H, bà A có đến thành phố Hồ Chí Minh để gặp ông T và bà T, chị N để yêu cầu tổ chức lễ cưới cho anh V và chị N nhưng ông T và bà T cho rằng không thể tổ chức lễ cưới được do kỵ tuổi, nếu cưới thì sẽ có một người chết. Ông T và bà T nhiều lần hứa hẹn trả vàng cưới cho con ông H, bà A nhưng không thực hiện. Theo ông H được biết chị N đã được gả cho người khác, ngày 18/02/2022 (âm lịch) gia đình ông T, bà T đã tổ chức lễ cưới tại thành phố cho chị N và một người tên Phạm Việt K, nghe nói lại quê anh K ở huyện CN nhưng ông không xác định rõ địa chỉ. Từ đó cho đến nay ông T, bà T và chị N không trả lại vàng cưới, tiền nạp tài cho ông H, bà A.

Tại phiên tòa, Ông H, bà A khởi kiện yêu cầu ông T, bà T và chị N có nghĩa vụ trả lại cho ông H, bà A số vàng cưới là 10 chỉ vàng 24K; 6,5 chỉ vàng 18K và số tiền 20.000.000 đồng.

Ông H, bà A xin rút lại yêu cầu đối với số vàng họ hàng nhà trai cho chị N 4,5 chỉ vàng 24K; Số tiền cho 14.000.000 đồng. Ông H, bà A xác định số vàng và tiền dùng cho để nạp tài cho nhà gái và cho cô dâu là tài sản của vợ chồng ông bà dùng để cưới vợ cho con trai là anh Nguyễn Văn Vàng, anh V không có tài sản gì tại lễ ăn hỏi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H, bà Lê Thị A đối với chị Nguyễn Thị N về việc trả lại 10 chỉ vàng 24K và 6,5 chỉ vàng 24K, không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh H, bà Lê Thị A đối với ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T đối với tiền nạp tài 20.000.000 đồng, đình chỉ yêu cầu của ông H, Bà A đối ông T, bà T và chị N với yêu cầu đòi lại số vàng 4,5 chỉ vàng 24K và số tiền 14.000.000 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T và chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà T và chị N.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Thanh H, bà Lê Thị A và bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T, chị Nguyễn Thị N thuộc lĩnh vực dân sự, tranh chấp đòi lại tài sản; ông T, bà T và chị N là bị đơn có địa chỉ cư trú tại Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp đòi lại tài sản. Ngày 20/8/2020 (âm lịch) gia đình ông H và gia đình ông T tổ chức lễ ăn hỏi tại gia đình nhà gái. Tại buổi lễ, gia đình ông H, bà A cho giao cho ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị T số tiền 30.000.000 đồng bao gồm tiền sử dụng cho đám hỏi 10.000.000 đồng và đám cưới 20.000.000 đồng, ông H và bà A còn cho chị N 10 chỉ vàng 24K và 6,5 chỉ vàng 18K, do đám hỏi đã tổ chức xong nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền giúp nhà gái trong đám cưới là 20.000.000 đồng. Xét thấy, số tiền và vàng nhà trai cho nhà gái với điều kiện chị N sẽ được gả cho anh V. Tuy nhiên, ông T, bà T không thực hiện giao ước với phía nhà trai là ông H, bà A. Điều này cho thấy nhà gái đã đơn phương chấm dứt thỏa thuận giữa hai bên, không thực hiện nghĩa vụ sau khi được tặng cho tài sản, thể hiện cụ thể là việc chị N không gả cho anh V mà gả cho người khác, đám cưới của chị N và anh V không được tiến hành. Xét về lỗi trong sự việc trên thuộc về phía nhà gái tức ông T, bà T và chị N. Tại phiên tòa, bà A xác định vợ chồng ông T, bà T có nhờ nhà trai giữ hộ số tiền 20.000.000 đồng vì sợ bị trộm, nhưng sau đám hỏi bà T đã trực tiếp lấy số tiền này lên Bình Dương. Xét về phong tục tập quán tại địa phương, việc vợ chồng ông H, bà A đã giao cho gái một khoản tiền gọi là nạp tài, việc nạp tài và cho có những người đi đám ăn hỏi chứng kiến, từ khi phát sinh tranh chấp cho đến nay vợ chồng ông T, bà T và chị N đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, sau ngày 27/11/2020 gia đình hai bên có gặp nhau nhưng bà T không đặt ý kiến gì đối với số tiền 20.000.000 đồng điều này chứng tỏ bà T đã nhận số tiền gửi 20.000.000 đồng. Từ đó cho thấy yêu cầu của ông H, bà T là có

căn cứ chấp nhận toàn bộ. Do ông T, bà T trực tiếp nhận tiền mà ông H, bà A giao khi tổ chức đám hỏi, chuẩn bị cho đám cưới, chị N trực tiếp nhận vàng cưới của ông H, bà A nên ông T và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H, bà A số tiền 20.000.000 đồng, chị N có nghĩa vụ trả cho ông H, bà A 10 chỉ vàng 24K và 6,5 chỉ vàng 18K.

[4] Tại phiên tòa, do xác định số vàng 4,5 chỉ vàng 24K, số tiền 14.000.000 đồng là tiền họ hàng nhà trai cho chị N trong ngày lễ ăn hỏi, vì đây không phải là tiền của vợ chồng ông bà nên ông H, bà A xin rút lại yêu cầu đối với ông T, bà T và chị N đối với khoản tiền và vàng vừa nêu. Xét thấy việc rút yêu cầu của ông H, bà A là có căn cứ nên chấp nhận. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H, bà A đối với ông T, bà T và chị N đối với số tiền 14.000.000 đồng và 4,5 chỉ vàng 24K.

[5] Về án phí: Ông Lê Thanh H, bà Lê Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T và chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228, điểm c Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166, Điều 462, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H, bà Lê Thị A đối với ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T và chị Nguyễn Thị N về việc yêu cầu trả lại số tiền 14.000.000 đồng và 4,5 chỉ vàng 24K.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H, bà Lê Thị A đối với ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T, chị Nguyễn Thị N về việc đòi lại tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho ông Lê Thanh H, Lê Thị A số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Buộc chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lê Thanh H, Lê Thị A 10 (*mười*) chỉ vàng 24K và 6,5 (*sáu phẩy năm*) chỉ vàng 18K.

Kể từ khi có quyết định và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị T phải nộp án phí 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí 3.939.000 đồng (*ba triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng, lấy tròn số* (tính giá vàng vào ngày 26/5/2023: Vàng 24K giá 5.330.000 đồng/chỉ; vàng 18K giá 3.921.000 đồng/chỉ));

Ông Lê Thanh H, bà Lê Thị A không phải chịu án phí. Vào ngày 27 tháng 07 năm 2022, ông H và Bà A có dự nộp 3.546.000 đồng (*Ba triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai số 0015147 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đối trừ và được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T, bà T, chị N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lan Anh

